

nhà hỏi thăm các con. Nay bà xác định không thể tiếp tục chung sống cùng ông H được nữa, đề nghị Tòa án không công nhận bà và ông H là vợ chồng.

Về con chung: Bà và ông Bàn Văn H sinh được 02 con chung là Bàn Văn Q, sinh năm 1998 và Bàn Mạnh Đ, sinh năm 2005. Các con bà đã trưởng thành, khỏe mạnh, tự lo được bản thân nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Bàn Văn H, nhưng ông H không đến trụ sở Tòa án làm việc, không cung cấp lời khai, tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán tiến hành tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn chấp hành chưa đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận bà Nông Thị X và ông Bàn Văn H là vợ chồng. Về con chung, tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự. Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xử vụ án.

Bà Nông Thị X yêu cầu Tòa án không công nhận bà và ông Bàn Văn H là vợ chồng. Đây là “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Căn cứ vào Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nông Thị X chung sống như vợ chồng với ông Bàn Văn H từ năm 1997 trên cơ sở tự nguyện, nhưng không đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã, nên đây là hôn nhân không hợp pháp. Quá trình chung sống bà X và ông H đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống. Bà X và ông H sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm và kinh tế đã lâu, ai sống thế nào thì mặc, không ai quan tâm đến ai. Nay bà X xác định không thể tiếp tục chung sống với ông H được nữa, đề nghị Tòa án không công nhận bà và ông H là vợ chồng. Căn cứ vào Điều 9, Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình, cần không công nhận bà Nông Thị X và ông Bàn Văn H là vợ chồng.

[3]. Về con chung: Quá trình chung sống, bà Nông Thị X, ông Bàn Văn H sinh được 02 con chung là Bàn Văn Q, sinh năm 1998 và Bàn Mạnh Đ, sinh năm 2005, đều đã trưởng thành, phát triển bình thường nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4]. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[6]. Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bà Nông Thị X pH chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà X đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 9, Điều 14, Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Nông Thị X và ông Bàn Văn H là vợ chồng.

2. Về án phí: bà Nông Thị X pH chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà X đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0008285 ngày 19 tháng 06 năm 2024.

3. Về kháng cáo: Báo cho đương sự có mặt biết, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được thông đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- Lưu hồ sơ, v/p.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Huân

